

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

Số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

Về việc: Ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Thanh Nhiên
Bà Phạm Thị Nga
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hằng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Ông
Bùi Quang Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 266/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C – Sinh năm 1987
Địa chỉ: xóm M, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1985
Địa chỉ: xóm K, xã Y, thành phố H, tỉnh Hòa Bình,
(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 14/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn. Sau đó, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015, không ai quan tâm đến ai. Chị T sống tại xóm Khang Đình, xã Yên Mông. Anh C sống tại xã Hòa Bình. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với chị Nguyễn Thị T để vợ chồng giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 11/4/2011. Cháu V đã chết năm 2022 nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về C nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Anh C tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về thời gian và địa điểm kết hôn đúng như anh C trình bày, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị sống tại xóm Khang Đình, xã Hòa Bình còn anh C sống tại xóm Máy, xã Hòa Bình. Nay anh C có đơn xin ly hôn thì chị không đồng ý.

Biên bản xác minh đối với Ông Nguyễn Văn Sao – là hàng xóm đồng thời là trưởng xóm Khang Đình, xã Yên Mô, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cung cấp như sau: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng. Sau khi kết hôn anh C chỉ chung sống cùng chị T ở xóm Khang Đình một thời gian ngắn. Sau đó, anh C thường xuyên đi làm ăn xa không có mặt ở nhà, vợ chồng cũng không ở chung, đã sống ly thân từ lâu. Về mâu thuẫn vợ chồng cụ thể thế nào thì ông Sao không biết.

Biên bản xác minh đối với anh Nguyễn Văn Duy - C an xã Yên Mô: chị Nguyễn Thị T là con bà Nguyễn Thị Thông, có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xóm Khang Đình. Chị T có kết hôn với anh Nguyễn Văn C và sinh sống tại xóm Khang Đình. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn cụ thể như thế nào ông không nắm rõ, anh C không có hộ khẩu tại xóm Khang Đình, xã Yên Mô và hiện nay cũng không sinh sống tại xóm Khang Đình, xã Yên Mô.

Bà Nguyễn Thị Thông cung cấp như sau: bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T và là mẹ vợ của anh Nguyễn Văn C. Anh C và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã Hòa Bình, thành phố Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bà, trong quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì. Anh C chung sống cùng gia đình bà được khoảng hai năm thì đi làm ăn xa, ít khi về nhà, vợ chồng đã sống ly thân, không có sự quan tâm đến nhau. Nay anh C yêu cầu ly hôn, bà mong tòa án xem xét cho vợ chồng về đoàn tụ.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do chị T vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến nay chị T vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, xử cho anh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là

Nguyễn Tường V, sinh ngày 11/4/2011. Cháu V đã chết năm 2022 nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, C nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận anh C tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn chị Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Khang Đình, xã Yên Mông, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Anh C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015, không ai quan tâm đến ai. Nay, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thực trạng cuộc sống chung vợ chồng anh C chị T không tồn tại cuộc sống chung, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống ly thân từ năm 2015, không ai quan tâm đến ai. Chị T không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng không nói chuyện với nhau từ năm 2015. Từ nhận định trên thấy rằng, hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 11/4/2011. Cháu V đã chết năm 2022, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, C nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, C nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C tự nguyện nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0005098 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND xã Hòa Bình, TPHB;
- Đường sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan